



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 11 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2025.

Hội đồng Quản trị	Ông Đỗ Hữu Tạo	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
	Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Thành viên
	Ông Phan Quang Phú	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Long	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
	Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên (đến ngày 18/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Quang Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Long	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
	Bà Đinh Thị Kiều Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: các Cổ đông

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00188-25-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.262.973.490.040	924.919.895.452
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	192.666.354.539	64.985.556.982
Tiền	111		192.666.354.539	64.985.556.982
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.000.000.000	185.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	145.000.000.000	185.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.655.107.362	156.289.166.101
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	341.218.967.422	129.577.770.798
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	13.223.206.356	17.739.866.476
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	30.584.268.882	28.105.846.065
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(19.371.335.298)	(19.134.317.238)
Hàng tồn kho	140	14	557.953.437.149	517.055.913.768
Hàng tồn kho	141		557.953.437.149	517.055.913.768
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.698.590.990	1.589.258.601
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		452.849.504	1.048.022.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	95.458.172
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21	1.245.741.486	445.778.137

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		849.420.930.111	857.977.338.079
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.128.000.000	1.128.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.128.000.000	1.128.000.000
Tài sản cố định	220		226.983.121.782	236.499.716.127
Tài sản cố định hữu hình	221	15	218.562.255.654	228.918.200.990
Nguyên giá	222		769.465.857.873	762.832.245.314
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(550.903.602.219)	(533.914.044.324)
Tài sản cố định vô hình	227	16	8.420.866.128	7.581.515.137
Nguyên giá	228		16.386.085.312	14.854.335.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.965.219.184)	(7.272.820.175)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.563.522.844	9.023.751.918
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	10.563.522.844	9.023.751.918
Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	538.713.970.523	537.528.324.030
Đầu tư vào công ty con	251		615.700.000.000	615.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(142.986.029.477)	(144.171.675.970)
Tài sản dài hạn khác	260		72.032.314.962	73.797.546.004
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	72.032.314.962	73.797.546.004
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.112.394.420.151	1.782.897.233.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		851.165.905.795	527.332.952.439
Nợ ngắn hạn	310		849.165.905.795	525.332.952.439
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	270.154.954.991	142.095.686.716
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.268.892.407	1.407.113.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	24.902.249.604	26.685.729.417
Phải trả người lao động	314		28.666.386.296	30.086.883.233
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	18.068.482.030	2.401.962.831
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	6.343.097.900	4.987.506.285
Vay ngắn hạn	320	24	495.323.491.492	311.949.385.549
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	4.438.351.075	5.718.685.275
Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		2.000.000.000	2.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.261.228.514.356	1.255.564.281.092
Vốn chủ sở hữu	410	26	1.261.228.514.356	1.255.564.281.092
Vốn cổ phần	411	27	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	27	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	369.268.305.426	369.064.672.161
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		59.493.694.239	54.033.094.240
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.430.677.975	7.524.571.093
- LNST kỳ này/năm nay	421b		46.063.016.264	46.508.523.147
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.112.394.420.151	1.782.897.233.531

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	31	1.143.815.880.507	930.227.628.848
Giá vốn hàng bán	11	32	889.511.539.352	704.755.247.546
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		254.304.341.155	225.472.381.302
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	7.474.819.681	18.530.883.682
Chi phí tài chính	22	34	15.142.481.380	32.981.078.583
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.030.797.561	6.829.007.533
Chi phí bán hàng	25	35	136.289.349.134	133.520.840.070
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	52.914.227.669	41.409.745.064
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		57.433.102.653	36.091.601.267
Thu nhập khác	31		985.060.140	2.215.274.410
Chi phí khác	32		676.829.621	1.378.040.450
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		308.230.519	837.233.960
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.741.333.172	36.928.835.227
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	11.678.316.908	4.389.549.773
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		46.063.016.264	32.539.285.454

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	57.741.333.172	36.928.835.227
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	22.731.384.730	22.313.345.788
Các khoản dự phòng	03	(948.628.433)	21.883.242.231
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.799.908.714	2.231.438.930
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.578.818.666)	(17.914.036.248)
Chi phí lãi vay	06	9.030.797.561	6.829.007.533
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	87.775.977.078	72.271.833.461
Biến động các khoản phải thu	09	(215.218.847.740)	(52.942.603.674)
Biến động hàng tồn kho	10	(40.897.523.381)	107.592.344.548
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	140.077.549.478	5.669.897.417
Biến động chi phí trả trước	12	1.665.527.259	(5.029.458.628)
		(26.597.317.306)	127.562.013.124
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.030.797.561)	(6.703.083.060)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.434.635.559)	(3.658.770.447)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.280.334.200)	(7.925.731.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.343.084.626)	109.274.427.923
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.663.556.842)	(12.430.890.245)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	246.309.090	83.636.364
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(145.000.000.000)	(70.000.000.000)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	185.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	5.165.130.756	16.099.194.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.747.883.004	(66.248.059.476)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	572.674.915.829	421.250.235.271
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(391.107.336.241)	(371.586.517.190)
Tiền trả cổ tức	36	(40.298.101.850)	(96.715.444.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	141.269.477.738	(47.051.726.359)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	127.674.276.116	(4.025.357.912)
Tiền đầu kỳ	60	64.985.556.982	94.581.864.596
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.521.441	(124.240)
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	192.666.354.539	90.556.382.444

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngLê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động chính được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 18.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng công ty có 337 nhân viên (1/1/2025: 341 nhân viên).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

IG
ỆN
M
1 -
=

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 năm đến 8 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipec, Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng công ty không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Tổng công ty không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.071.378.408	5.079.616.354
Tiền gửi ngân hàng	191.594.976.131	59.905.940.628
	<hr/>	<hr/>
	192.666.354.539	64.985.556.982

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các ngân hàng trong nước hưởng lãi suất từ 5,2% - 5,9% một năm (1/1/2025: từ 5,3% - 5,6% một năm).

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các bên liên quan		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	182.734.876.526	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP – công ty liên kết	719.957.760	369.817.800
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ		
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	4.575.688.634	1.187.739.871
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	4.494.286.418	3.423.609.401
Công ty Xăng dầu Nghệ An	4.147.554.380	3.674.799.530
Các công ty con khác của Công ty mẹ	65.630.106.479	43.505.316.598
	262.302.470.197	52.161.283.200
Các bên khác		
TotalEnergies Lubrifiants	2.332.527.426	4.913.206.255
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Các khách hàng khác	69.117.492.888	65.036.804.432
	78.916.497.225	77.416.487.598
	341.218.967.422	129.577.770.798

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Các bên liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam – Công ty mẹ	156.000.000	156.000.000
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện Việt Nam	3.828.500.001	3.453.990.252
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại THT	1.741.607.037	2.718.311.824
Các nhà cung cấp khác	7.497.099.318	11.411.564.400
	13.223.206.356	17.739.866.476

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con	2.641.764.586	3.737.907.130
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con	20.939.235.224	18.978.897.839
	<hr/> 23.580.999.810	<hr/> 22.716.804.969
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	1.933.130.033	1.247.660.235
Lãi tiền gửi dự thu	1.628.782.793	1.461.403.973
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.441.356.246	2.679.976.888
	<hr/> 30.584.268.882	<hr/> 28.105.846.065

Khoản phải thu khác từ các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

12.12.2025

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

30/6/2025					1/1/2025		
Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoàng Phát	Trên 3 năm	1.026.286.342	(1.026.286.342)	-	Trên 3 năm	1.026.286.342	(1.026.286.342)
Các công ty khác	Trên 3 năm	5.349.745.664	(5.349.745.664)	-	Trên 3 năm	5.228.291.472	(5.228.291.472)
Các công ty khác	2 - 3 năm	413.339.680	(289.337.776)	124.001.904	2 - 3 năm	241.600.907	(169.120.635)
Các công ty khác	1 - 2 năm	697.299.604	(348.649.802)	348.649.802	1 - 2 năm	622.794.964	(311.397.482)
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	1.061.001.105	(318.300.332)	742.700.773	6 tháng - 1 năm	1.200.686.417	(360.205.925)
				1.215.352.479			
20.586.687.777				(19.371.335.298)	20.358.675.484	(19.134.317.238)	1.224.358.246
Trong đó:							
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn				(19.371.335.298)	(19.134.317.238)		

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.134.317.238	20.305.721.247
Trích lập trong kỳ	381.423.709	543.283.478
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(144.405.649)	(1.095.436.920)
Số dư cuối kỳ	19.371.335.298	19.753.567.805

14. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	32.169.806.528	39.942.794.426
Nguyên vật liệu	262.458.202.806	223.924.628.063
Công cụ và dụng cụ	6.727.392.482	8.110.405.233
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.178.308.284	47.212.269.685
Thành phẩm, hàng hóa	216.419.727.049	197.865.816.361
	557.953.437.149	517.055.913.768

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	295.107.879.004	372.581.326.165	59.818.395.754	35.324.644.391	762.832.245.314
Tăng trong kỳ	592.956.447	9.110.845.651	-	1.284.361.716	10.988.163.814
Thanh lý	-	(3.391.224.891)	(890.636.364)	(72.690.000)	(4.354.551.255)
Số dư cuối kỳ	295.700.835.451	378.300.946.925	58.927.759.390	36.536.316.107	769.465.857.873
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	206.233.461.361	261.832.149.730	38.975.120.599	26.873.312.634	533.914.044.324
Khấu hao trong kỳ	7.416.109.429	10.710.610.828	1.731.479.156	1.485.909.737	21.344.109.150
Thanh lý	-	(3.391.224.891)	(890.636.364)	(72.690.000)	(4.354.551.255)
Số dư cuối kỳ	213.649.570.790	269.151.535.667	39.815.963.391	28.286.532.371	550.903.602.219
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	88.874.417.643	110.749.176.435	20.843.275.155	8.451.331.757	228.918.200.990
Số dư cuối kỳ	82.051.264.661	109.149.411.258	19.111.795.999	8.249.783.736	218.562.255.654

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 232.971 triệu VND (1/1/2025: 209.356 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	14.854.335.312
Tăng trong kỳ	579.750.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	952.000.000
Số dư cuối kỳ	16.386.085.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.272.820.175
Khấu hao trong kỳ	692.399.009
Số dư cuối kỳ	7.965.219.184
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.581.515.137
Số dư cuối kỳ	8.420.866.128

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có tài sản với nguyên giá 5.349 triệu VND (1/1/2025: 5.349 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.023.751.918	12.445.734.140
Tăng trong kỳ	2.491.770.926	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(952.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	10.563.522.844	12.445.734.140

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự án Kho Đà Nẵng	8.463.052.844	8.275.751.918
Tài sản chờ lắp đặt và các công trình khác	2.100.470.000	748.000.000
	10.563.522.844	9.023.751.918

18. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2025			1/1/2025						
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con											
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex Hà Nội			100%	361.400.000.000	-	(*)		100%	361.400.000.000	-	(*)
			100%	254.300.000.000	(76.986.029.477)	(*)		100%	254.300.000.000	(78.171.675.970)	(*)
				615.700.000.000	(76.986.029.477)				615.700.000.000	(78.171.675.970)	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết											
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng		6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(**)	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(66.000.000.000)	(**)
				681.700.000.000	(142.986.029.477)				681.700.000.000	(144.171.675.970)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	144.171.675.970	96.931.017.315
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	(1.185.646.493)	22.435.395.673
Số dư cuối kỳ	142.986.029.477	119.366.412.988

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	27.176.846.269	12.972.082.590	8.291.911.624	25.356.705.521	73.797.546.004
Tăng trong kỳ	-	-	1.889.800.759	8.155.289.391	11.646.090.150
Phân bổ trong kỳ	(412.874.777)	(282.001.794)	(3.612.076.977)	(7.503.367.644)	(13.411.321.192)
Số dư cuối kỳ	26.763.971.492	12.690.080.796	6.569.635.406	26.008.627.268	72.032.314.962

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Các công ty con của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam – công ty mẹ	1.524.792.082	331.207.383
Công ty TNHH Castrol BP PETCO – công ty liên kết của công ty mẹ	285.389.815	428.359.912
	<hr/>	<hr/>
	1.810.181.897	759.567.295
Các bên khác		
Kempar Energy Pte. Ltd.	59.982.694.040	-
Exxon Mobil Asia Pacific Pte. Ltd.	50.911.385.619	54.083.697.451
Itochu Singapore Pte. Ltd.	39.194.482.350	-
Ducat Chemical Co., Ltd.	30.743.183.279	2.883.740.028
Orient-Salt Chemicals Pte. LTD	29.488.163.059	-
Các nhà cung cấp khác	58.024.864.747	84.368.681.942
	<hr/>	<hr/>
	268.344.773.094	141.336.119.421
	<hr/>	<hr/>
	270.154.954.991	142.095.686.716
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2025		Số phát sinh trong kỳ			30/6/2025	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	939.361.028	216.223.439.320	(86.476.145.742)	(124.667.262.905)	-	6.019.391.701
Thuế nhập khẩu	232.509.061	-	3.864.583.630	(3.813.043.037)	-	180.968.468	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.843.710.967	11.678.316.908	(9.434.635.559)	-	1.031.217.736	5.118.610.052
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.961.295.640	15.278.426.620	(15.635.570.420)	-	-	2.604.151.840
Thuế thu nhập cá nhân	213.269.076	997.809.220	5.759.039.058	(6.048.895.183)	-	33.555.282	528.239.301
Phí tái chế bảo vệ môi trường	-	19.937.684.948	10.630.242.132	(19.937.684.948)	-	-	10.630.242.132
Thuế khác	-	5.867.614	50.724.302	(54.977.338)	-	-	1.614.578
	445.778.137	26.685.729.417	263.484.771.970	(141.400.952.227)	(124.667.262.905)	1.245.741.486	24.902.249.604

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	16.743.391.263	2.302.432.831
Chi phí phải trả khác	1.325.090.767	99.530.000
	<hr/>	<hr/>
	18.068.482.030	2.401.962.831
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.640.952.934	2.407.589.559
Phải trả cổ tức	2.513.404.620	2.412.723.470
Các khoản phải trả khác	188.740.346	167.193.256
	<hr/>	<hr/>
	6.343.097.900	4.987.506.285
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	311.949.385.549	572.674.915.829	(391.107.336.241)	1.806.526.355	495.323.491.492

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	2,9% - 4,0%	239.390.109.698	35.749.348.649
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	4,1%	213.244.209.555	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,8 - 4,1%	42.689.172.239	267.051.272.949
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,2%	-	9.148.763.951
			495.323.491.492	311.949.385.549

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	5.718.685.275	11.196.530.298
Trích lập trong kỳ	-	3.598.994.671
Sử dụng trong kỳ	(1.280.334.200)	(7.925.731.694)
Số dư cuối kỳ	4.438.351.075	6.869.793.275

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	92.077.904.255	1.293.609.091.107
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	32.539.285.454	32.539.285.454
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.598.994.671)	(3.598.994.671)
Chia cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-	(96.957.079.200)	(96.957.079.200)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(20.522.438)	(20.522.438)
Số dư ngày 30/6/2024	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	24.040.593.400	1.225.571.780.252
Số dư ngày 1/1/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.064.672.161	20.463.604.691	54.033.094.240	1.255.564.281.092
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	46.063.016.264	46.063.016.264
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	203.633.265	-	(203.633.265)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-	(40.398.783.000)	(40.398.783.000)
Số dư ngày 30/6/2025	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	369.268.305.426	20.463.604.691	59.493.694.239	1.261.228.514.356

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	VND	%
Cổ đông		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

28. Cổ tức

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông Tổng công ty đã thông qua phương án chia cổ tức cho năm 2024 từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ 5% (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 500 VND) bằng tiền mặt với số tiền là 40.398.783.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12% với số tiền là 96.957.079.200 VND).

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	44.143	1.160.967.475	129.152	3.261.224.727
Euro (“EUR”)	164	5.146.967	169	4.412.897
		<u>1.166.114.442</u>		<u>3.265.637.624</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	117.673.000.000	87.976.000.000

(c) Cam kết bảo lãnh khoản vay

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng công ty vẫn tiếp tục duy trì cam kết bảo lãnh thanh toán đối với 49,3% khoản vay của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP – một công ty liên kết của Công ty, có giá trị ghi sổ là 280.982 triệu VND (1/1/2025: 286.119 triệu VND), bao gồm lãi vay và các chi phí liên quan khác (nếu có) sau khi đã xử lý các biện pháp đảm bảo khác của khoản vay.

31. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	955.451.199.684	904.023.036.355
Doanh thu bán hóa chất	166.122.615.022	-
Doanh thu bán hàng hóa khác	22.242.065.801	26.204.592.493
	<u>1.143.815.880.507</u>	<u>930.227.628.848</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	703.684.475.305	678.795.507.486
Giá vốn hóa chất	164.453.648.356	-
Giá vốn hàng hóa khác	21.373.415.691	25.959.740.060
	889.511.539.352	704.755.247.546

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.332.509.576	1.807.136.774
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.142.310.105	700.483.798
Lợi nhuận được chia	-	16.023.263.110
	7.474.819.681	18.530.883.682

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.030.797.561	6.829.007.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.872.525.896	3.332.553.329
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.185.646.493)	22.435.395.673
Chiết khấu thanh toán	424.804.416	384.122.048
	15.142.481.380	32.981.078.583

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	21.182.509.311	18.542.696.643
Chi phí vận chuyển	14.074.277.380	15.537.510.900
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo, tiếp thị	54.925.983.472	52.331.568.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.058.666.301	3.557.182.937
Chi phí sửa chữa	2.900.404.722	2.833.677.334
Chi phí bán hàng khác	39.147.507.948	40.718.203.817
	136.289.349.134	133.520.840.070

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.500.033.342	17.845.563.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.521.878.753	2.157.015.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.337.340.706	7.102.445.326
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.554.974.868	14.304.720.778
	52.914.227.669	41.409.745.064

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	792.336.372.514	625.425.451.453
Chi phí nhân viên	69.667.332.047	59.163.692.346
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.731.384.730	22.313.345.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.944.114.603	23.969.456.778
Chi phí khác	128.658.539.659	121.903.280.286

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	11.678.316.908	4.389.549.773

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.741.333.172	36.928.835.227
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	11.548.266.634	7.385.767.045
Chi phí không được khấu trừ thuế	130.050.274	208.435.350
Thu nhập không bị tính thuế	-	(3.204.652.622)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.678.316.908	4.389.549.773

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Cổ tức	31.944.629.500	76.667.110.800
Công ty con <i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	167.899.397.237	1.247.272.784
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i> Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.484.027.611	2.252.353.748
Mua hàng hóa	182.169.773	200.789.473
Lợi nhuận được chia	-	16.023.263.110
Công ty liên kết <i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i> Bán hàng hóa	544.593.600	749.925.600
Công ty liên kết của Công ty mẹ <i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	3.827.117.869	4.210.210.659
Các công ty con của Công ty mẹ <i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i> Bán hàng hóa	30.436.977.821	40.390.242.270
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	3.013.445	431.536
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i> Bán hàng hóa	20.462.582.304	17.535.827.330
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	596.090	893.863
<i>Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh</i> Bán hàng hóa	18.281.072.110	21.224.490.060
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	3.104.966	675.368
Các công ty con khác của Công ty mẹ Bán hàng hóa	679.593.895.714	638.308.412.568
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	1.962.084.546	1.201.265.833

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	470.633.817	664.956.921
Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thù lao và thưởng	520.662.683	633.292.306
Phó Tổng Giám đốc 1		
Tiền lương và thưởng	451.695.955	472.683.981
Phó Tổng Giám đốc 2		
Tiền lương và thưởng	67.059.816	420.446.981
Phó Tổng Giám đốc 3		
Tiền lương và thưởng	379.455.955	472.683.981
Phó Tổng Giám đốc 4		
Tiền lương và thưởng	380.064.319	-
Thành viên Hội đồng Quản trị 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	520.662.683	633.292.306
Thành viên Hội đồng Quản trị 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	379.455.955	484.379.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 3		
Tiền lương, thù lao và thưởng	451.695.955	472.683.981
Thành viên Hội đồng Quản trị 4		
Tiền lương, thù lao và thưởng	-	69.681.144
Thành viên Hội đồng Quản trị 5		
Tiền lương, thù lao và thưởng	46.998.431	96.876.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 6		
Tiền lương, thù lao và thưởng	75.894.431	96.876.797
Thành viên Hội đồng Quản trị 7		
Tiền lương, thù lao và thưởng	78.017.215	25.073.000
Thành viên Hội đồng Quản trị 8		
Tiền lương, thù lao và thưởng	67.059.816	420.446.981

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Trưởng Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và thưởng	379.455.955	484.379.981
Thành viên Ban Kiểm soát 1		
Tiền lương, thù lao và thưởng	241.950.259	290.533.838
Thành viên Ban Kiểm soát 2		
Tiền lương, thù lao và thưởng	48.387.052	58.105.167

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Lê Quang Tuấn
Tổng Giám đốc